

Số: 64...../QĐ-ĐHSPKTNĐ

Nam Định, ngày 24 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
ĐHSPKT K3, ĐHCN K3, ĐHLT K4, CĐKT K12, CĐKT KK10

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-LĐTBXH ngày 19/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 07/07/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp đợt I - năm 2013 ngày 18/01/2013;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 124 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|-------------------------------------|-------|
| 1. Đại học sư phạm kỹ thuật khóa 3: | 74 SV |
| 2. Đại học công nghệ khóa 3: | 44 SV |
| 3. Đại học liên thông khóa 4: | 06 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 87 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|--------------------------------------|-------|
| 1. Cao đẳng kỹ thuật khóa 12: | 44 SV |
| 2. Cao đẳng kỹ thuật khối K khóa 10: | 43 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 3. Chưa công nhận tốt nghiệp cho 11 sinh viên vì chưa tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định, cụ thể:

- | | |
|-------------------------------------|-------|
| 1. Đại học sư phạm kỹ thuật khóa 3: | 08 SV |
| 2. Đại học công nghệ khóa 3: | 02 SV |
| 3. Cao đẳng kỹ thuật khóa 12: | 01 SV |

(có danh sách kèm theo).

Sinh viên được phép học tiếp học kỳ 2, năm học 2012-2013 và làm đơn xin xét tốt nghiệp theo quy định, quy chế.

Điều 4. Các phòng, khoa liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Khoa: Đ-ĐT, CK, CNTT;
- Phòng: KTTV, CT HS-SV;
- Lưu VT, Đào tạo (5 bộ).



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT KHÓA 3

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 64../QĐ-ĐHSPKTND ngày 24 tháng 01 năm 2013

của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định (Không tính học phần GDTC, QP)	Số tín chỉ tích lũy (Không tính GDTC, QP)	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	871010001	Vũ Thị Anh	12/06/1990	Nữ	Bắc Giang	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,29	9,36	Không	Khá
2	871010003	Trần Công Chính	20/10/1987	Nam	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,40	0,00	Không	Trung bình
3	871010004	Hoàng Thị Diệp	30/04/1989	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,64	0,00	Không	Xuất sắc
4	871010005	Trần Thị Đào	31/10/1990	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,53	0,00	Không	Giỏi
5	871010006	Hoàng Tiến Đạt	30/06/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,63	0,00	Không	Khá
6	871010008	Cao Thị Hằng	16/06/1990	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,31	0,00	Không	Giỏi
7	871010009	Bùi Thị Yên	22/12/1990	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,37	0,00	Không	Giỏi
8	871010010	Phạm Thị Hiền	23/11/1990	Nữ	Hải Dương	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,40	0,00	Không	Giỏi
9	871010011	Lã Trung Hiếu	03/02/1985	Nam	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,67	0,00	Không	Khá
10	871010012	Trần Trọng Hiếu	04/09/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,80	0,00	Không	Khá
11	871010013	Đào Thị Huệ	21/09/1990	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,94	0,00	Không	Khá
12	871010014	Cao Thị Thanh Huyền	29/09/1990	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,99	0,00	Không	Khá
13	871010015	Nguyễn Thị Thu Hương	28/09/1990	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,84	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
14	871010017	Trần Xuân Kiên	29/04/1989	Nam	Thái Bình	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,66	0,00	Không	Khá
15	871010018	Trần Thị Lý	29/09/1990	Nữ	Hà Nam Ninh	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,57	0,00	Không	Giỏi
16	871010019	Phạm Thị Minh	08/02/1989	Nữ	Hà Nam Ninh	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,31	0,00	Không	Giỏi
17	871010020	Đỗ Ngọc Quý	17/11/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,18	0,00	Không	Khá
18	871010025	Hà Thị Thanh Thủy	26/07/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,33	0,00	Không	Giỏi
19	871010026	Vũ Phương Thúy	23/06/1990	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,54	0,00	Không	Giỏi
20	871010028	Nguyễn Huy Toàn	24/05/1990	Nam	Hà Nam	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,71	0,00	Không	Khá
21	871010029	Vũ Anh Tú	07/09/1989	Nam	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,72	0,00	Không	Khá
22	871010030	Trần Minh Tuấn	10/12/1989	Nam	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	2,69	0,00	Không	Khá
23	871010031	Đặng Thị Xanh	02/11/1988	Nữ	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	163	3,72	0,00	Không	Xuất sắc
24	771010054	Hoàng Kim Dũng	25/05/1988	Nam	Ninh Bình	ĐS-Tin 3	2007	Tin học ứng dụng	163	163	2,53	3,51	Không	Khá
25	871030001	Trần Cao Cường	26/03/1990	Nam	Nam Định	ĐS-KTĐ 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	165	165	3,19	0,00	Không	Khá
26	871030003	Hoàng Minh Sáng	24/06/1989	Nam	Ninh Bình	ĐS-KTĐ 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	165	165	2,90	0,00	Không	Khá
27	871040001	Nguyễn Đức Anh	16/12/1990	Nam	Thái Bình	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	3,03	0,00	Không	Khá
28	871040003	Phạm Minh Đức	31/05/1990	Nam	Ninh Bình	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	2,71	0,00	Không	Khá
29	871040004	Tạ Quang Hiền	17/07/1990	Nam	Nghệ An	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	3,40	0,00	Không	Giỏi
30	871040005	Bùi Văn Hoan	15/06/1989	Nam	Ninh Bình	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	3,45	0,00	Không	Giỏi
31	871040006	Bùi Duy Huân	05/05/1990	Nam	Quảng Ninh	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	3,58	0,00	Cảnh cáo	Khá
32	871040010	Nguyễn Văn Nam	15/07/1989	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	2,69	0,00	Không	Khá
33	871040011	Nguyễn Tri Sơn	25/12/1989	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	2,67	0,00	Không	Khá
34	871040012	Nguyễn Ngọc Thành	20/12/1986	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	2,58	0,00	Không	Khá
35	871040013	Trần Quyết Thắng	04/10/1990	Nam	Nam Định	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	2,60	0,00	Không	Khá
36	871040014	Phạm Nguyễn Thiệu	23/09/1990	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	2,45	0,00	Không	Trung bình
37	871040017	Phạm Sơn Tùng	07/04/1990	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	175	2,94	0,00	Không	Khá
38	871020001	Nguyễn Đức Cấn	29/02/1989	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,74	0,00	Không	Khá
39	871020002	Đỗ Trung Đức	12/05/1990	Nam	Thái Bình	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	3,10	0,00	Không	Khá
40	871020003	Nguyễn Văn Hiền	26/03/1990	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,86	0,00	Không	Khá
41	871020005	Nguyễn Viết Lãm	11/03/1990	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	3,47	0,00	Không	Giỏi
42	871020007	Bùi Đức Linh	08/10/1990	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,65	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
43	871020008	Trần Ngọc Linh	16/05/1985	Nam	Yên Bái	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,57	0,00	Không	Khá
44	871020009	Phạm Văn Lực	10/09/1988	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,32	0,00	Không	Trung bình
45	871020010	Lê Văn Nam	02/09/1988	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,61	0,00	Không	Khá
46	871020012	Ngô Văn Ngọc	21/07/1988	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,77	0,00	Không	Khá
47	871020013	Nguyễn Thị Linh Phương	12/07/1990	Nữ	Thanh Hóa	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,63	0,00	Không	Khá
48	871020014	Lê Thị Phương	08/05/1990	Nữ	Hà Nam	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,98	0,00	Không	Khá
49	871020015	Nguyễn Minh Tâm	12/12/1990	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,94	0,00	Không	Khá
50	871020016	Trần Văn Thế	12/09/1989	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,38	0,00	Không	Trung bình
51	871020017	Phạm Thị Thu	11/06/1990	Nữ	Hải Dương	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	3,02	0,00	Không	Khá
52	871020018	Dương Tuấn Tùng	17/11/1990	Nam	Hà Nội	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,74	0,00	Không	Khá
53	871020019	Nguyễn Văn Uyên	21/09/1989	Nam	Hà Nam	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,89	0,00	Không	Khá
54	871020020	Lại Đức Việt	08/09/1990	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,55	0,00	Không	Khá
55	871020021	Phạm Văn Vinh	09/01/1990	Nam	Ninh Bình	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	168	2,40	0,00	Không	Trung bình
56	871060002	Lê Văn Lâm	10/02/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Hàn 3	2008	Công nghệ hàn	160	160	2,73	0,00	Không	Khá
57	871060003	Nguyễn Văn Thường	19/07/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Hàn 3	2008	Công nghệ hàn	160	160	2,94	0,00	Không	Khá
58	A10651011	Đặng Duy Linh	30/07/1986	Nam	Thái Bình	ĐS-Hàn 3	2006	Công nghệ hàn	160	160	2,28	0,00	Không	Trung bình
59	A10651021	Lê Văn Trung	10/10/1987	Nam	Thanh Hóa	ĐS-Hàn 3	2006	Công nghệ hàn	160	160	2,38	0,00	Không	Trung bình
60	771050018	Đinh Quang Huy	04/11/1989	Nam	Nam Định	ĐS-CTM 3	2007	Công nghệ chế tạo máy	161	161	3,01	0,00	Không	Khá
61	871050004	Phạm Văn Long	04/07/1986	Nam	Nam Định	ĐS-CTM 3	2008	Công nghệ chế tạo máy	161	161	3,22	0,00	Không	Giỏi
62	871050005	Hà Văn Nam	15/12/1988	Nam	Thanh Hóa	ĐS-CTM 3	2008	Công nghệ chế tạo máy	161	161	2,96	0,00	Không	Khá
63	871050006	Lê Đình Quân	05/01/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐS-CTM 3	2008	Công nghệ chế tạo máy	161	161	2,80	0,00	Không	Khá
64	871050007	Phạm Ngọc Quân	12/03/1990	Nam	Ninh Bình	ĐS-CTM 3	2008	Công nghệ chế tạo máy	161	161	2,70	0,00	Không	Khá
65	871050009	Phạm Đức Toàn	09/04/1990	Nam	Nam Định	ĐS-CTM 3	2008	Công nghệ chế tạo máy	161	161	2,86	0,00	Không	Khá
66	871070002	Vũ Tiến Đại	10/10/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	3,03	0,00	Không	Khá
67	871070003	Vũ Văn Đạt	13/09/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	2,54	0,00	Không	Khá
68	871070001	Hà Văn Doanh	10/06/1990	Nam	Thái Bình	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	2,76	0,00	Không	Khá
69	871070004	Nguyễn Minh Đức	22/12/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	3,11	0,00	Không	Khá
70	871070005	Hoàng Văn Giang	25/03/1984	Nam	Thanh Hóa	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	2,48	0,00	Không	Trung bình
71	871070006	Nguyễn Văn Quý	06/05/1989	Nam	Hưng Yên	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	2,73	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
72	871070007	Mai Duy Thanh	18/10/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	2,99	0,00	Không	Khá
73	871070008	Phạm Quốc Tuế	14/08/1988	Nam	Nam Định	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	2,83	0,00	Không	Khá
74	871070009	Vũ Văn Tùng	06/03/1989	Nam	Yên Bái	ĐS-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	157	2,83	0,00	Không	Khá

Ấn định danh sách 74 SV



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KHÓA 3

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 64../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 24 tháng 01 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định (Không tính học phần GDTC, QP)	Số tín chỉ tích lũy (Không tính GDTC, QP)	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	0841010002	Đinh Huy Ba	08/09/1989	Nam	Nam Định	ĐK-Tin 3A	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,49	4,55	Không	Trung bình
2	0841010034	Nguyễn Đình Tứ	06/02/1989	Nam	Nam Định	ĐK-Tin 3A	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,15	4,55	Không	Trung bình
3	0841010039	Nguyễn Văn Công	28/11/1990	Nam	Nam Định	ĐK-Tin 3B	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,48	1,30	Không	Trung bình
4	0841010087	Nguyễn Xuân Thăng	04/01/1990	Nam	Nam Định	ĐK-Tin 3B	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,19	1,30	Không	Trung bình
5	0841010089	Vũ Văn Thiêng	01/01/1990	Nam	Nam Định	ĐK-Tin 3B	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,54	1,30	Không	Khá
6	0841010146	Vũ Văn Phương	25/04/1985	Nam	Nam Định	ĐK-Tin 3C	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,27	4,55	Không	Trung bình
7	0841010160	Đào Minh Tuấn	01/04/1990	Nam	Nam Định	ĐK-Tin 3C	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,28	1,30	Không	Trung bình
8	0841010166	Bùi Như ý	10/05/1989	Nam	Hà Nam	ĐK-Tin 3C	2008	Tin học ứng dụng	146	146	2,68	1,30	Không	Khá
9	0841030016	Nguyễn Hữu Long	28/07/1989	Nam	Thái Bình	ĐK-KTĐ 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	148	148	2,32	1,35	Không	Trung bình
10	0841030031	Phan Đình Tình	14/10/1989	Nam	Ninh Bình	ĐK-KTĐ 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	148	148	2,48	1,35	Không	Trung bình
11	0841020013	Trần Tiến Định	21/07/1990	Nam	Nam Định	ĐK-ĐĐT 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,34	1,32	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	0841020026	Vũ Xuân Khu	17/07/1987	Nam	Nam Định	ĐK-ĐĐT 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,56	1,32	Không	Khá
13	0841020046	Nguyễn Văn Tuấn	18/08/1989	Nam	Nam Định	ĐK-ĐĐT 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,44	1,32	Không	Trung bình
14	0841020048	Ngô Ngọc Anh	07/11/1990	Nam	Nam Định	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,55	1,32	Không	Khá
15	0841020054	Nguyễn Quang Cường	15/06/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,85	1,32	Không	Khá
16	0841020063	Lê Đình Giới	15/05/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,47	1,32	Không	Trung bình
17	0841020065	Nguyễn Trọng Hiệp	14/02/1990	Nam	Ninh Bình	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,48	2,65	Không	Trung bình
18	0841020067	Trần Thanh Hiệu	14/06/1990	Nam	Hà Nam	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,69	1,32	Không	Khá
19	0841020069	Trần Ngọc Hòa	07/10/1990	Nam	Nam Định	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,50	1,32	Không	Khá
20	0841020079	Tổng Văn Mạc	06/05/1987	Nam	Nam Định	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,32	1,32	Không	Trung bình
21	0841020080	Tạ Văn Minh	01/05/1990	Nam	Thái Bình	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,68	3,97	Không	Khá
22	0841020089	Trần Văn Thành	17/12/1990	Nam	Thái Bình	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,60	1,32	Không	Khá
23	0841020106	Nguyễn Đức Trường	15/01/1989	Nam	Phú Thọ	ĐK-ĐĐT 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	151	151	2,76	1,32	Không	Khá
24	0841040021	Nguyễn Đức Thuận	31/01/1988	Nam	Ninh Bình	ĐK-ĐTĐ 3A	2008	Công nghệ tự động	157	157	2,52	1,27	Không	Khá
25	0841040037	Hà Hồng Hải	10/09/1990	Nam	Nam Định	ĐK-ĐTĐ 3B	2008	Công nghệ tự động	157	157	2,56	2,55	Không	Khá
26	0841040045	Nguyễn Văn Huy	04/11/1989	Nam	Hà Nam	ĐK-ĐTĐ 3B	2008	Công nghệ tự động	157	157	2,35	2,55	Không	Trung bình
27	0841040059	Vũ Quốc Thành	08/12/1990	Nam	Nam Định	ĐK-ĐTĐ 3B	2008	Công nghệ tự động	157	157	2,42	2,55	Không	Trung bình
28	0841060016	Hoàng Văn Thịnh	20/12/1990	Nam	Nam Định	ĐK-Hàn 3	2008	Công nghệ hàn	143	143	2,43	1,40	Không	Trung bình
29	0841050002	Lê Thọ Anh	12/10/1990	Nam	Thái Nguyên	ĐK-CTM 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,35	6,25	Không	Trung bình
30	0841050011	Trần Trọng Đại	18/12/1990	Nam	Thái Bình	ĐK-CTM 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,31	3,47	Không	Trung bình
31	0841050014	Đoàn Văn Hàn	28/01/1989	Nam	Nam Định	ĐK-CTM 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,31	3,47	Không	Trung bình
32	0841050020	Phạm Văn Hùng	09/10/1987	Nam	Thái Bình	ĐK-CTM 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,37	0,69	Không	Trung bình
33	0841050021	Phạm Quang Huy	28/07/1988	Nam	Thái Bình	ĐK-CTM 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,43	2,08	Không	Trung bình
34	0841050030	Nguyễn Đăng Thắng	28/05/1989	Nam	Thái Bình	ĐK-CTM 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,35	2,78	Không	Trung bình
35	0841050048	Nguyễn Văn Chiêu	01/01/1989	Nam	Nam Định	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,49	2,08	Không	Trung bình
36	0841050064	Nguyễn Bồng Khoa	23/10/1989	Nam	Hà Tây	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,20	1,39	Không	Trung bình
37	0841050065	Nguyễn Đức Khoi	29/09/1990	Nam	Bắc Giang	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,32	4,17	Không	Trung bình

Đỗ 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
38	0841050066	Trần Thanh Long	19/08/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,32	1,39	Không	Trung bình
39	0841050070	Trần Văn Nam	01/06/1990	Nam	Yên Bái	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,58	2,08	Không	Khá
40	0841050073	Phạm Văn Phúc	21/08/1988	Nam	Thái Bình	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,28	2,08	Không	Trung bình
41	0841050083	Đặng Văn Truyền	10/01/1988	Nam	Nam Định	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,60	1,39	Không	Khá
42	0841050085	Nguyễn Anh Tuấn	01/12/1988	Nam	Thái Nguyên	ĐK-CTM 3B	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	144	2,30	3,47	Không	Trung bình
43	0841070004	Phạm Văn Công	05/08/1990	Nam	Nam Định	ĐK-Ô tô 3	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	140	140	2,59	3,57	Không	Khá
44	0741070012	Trần Quốc Đạt	08/09/1989	Nam	Nam Định	ĐK-Ô tô 3	2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô	140	140	2,34	1,43	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 44 SV



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG KHÓA 4

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 64.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 24...tháng 01...năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỳ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	1062020017	Tô Văn Hiếu	03/11/1988	Nam	Ninh Bình	ĐL-ĐĐT 4	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	47	47	2,43	8,51	Không	Trung bình
2	1062040046	Bùi Đình Văn	02/02/1989	Nam	Nam Định	ĐL-ĐTĐ 4	2010	Công nghệ tự động	47	47	2,19	8,51	Không	Trung bình
3	1062060050	Đỗ Văn Toại	28/01/1987	Nam	Thái Bình	ĐL-Hàn 4	2010	Công nghệ hàn	46	46	2,35	4,35	Không	Trung bình
4	1062050039	Trần Như Khoa	30/05/1986	Nam	Thái Bình	ĐL-CTM 4	2010	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,39	8,70	Không	Trung bình
5	1062050043	Nguyễn Văn Lệ	09/08/1981	Nam	Thái Bình	ĐL-CTM 4	2010	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,59	4,35	Không	Khá
6	1062050073	Hoàng Văn Thủy	20/09/1986	Nam	Ninh Bình	ĐL-CTM 4	2010	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,28	8,70	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 06 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHÓA 12

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số...6.4.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 2.4 tháng 01 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định (Không tính học phần GDTC, OP)	Số tín chỉ tích lũy (Không tính GDTC, OP)	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	09GC710013	Vũ Đức Đại	31/10/1991	Nam	Nam Định	CK-Tin 12A	2009	Công nghệ thông tin	104	104	2,59	2,73	Không	Khá
2	08GC10140	Phạm Thế Minh	13/03/1990	Nam	Nam Định	CK-Tin 12A	2008	Công nghệ thông tin	104	104	2,70	1,82	Không	Khá
3	08GC10150	Nguyễn Thị Hồng Quyên	08/04/1990	Nữ	Ninh Bình	CK-Tin 12A	2008	Công nghệ thông tin	104	104	2,15	2,73	Không	Trung bình
4	09GC710069	Lê Thị Hiếu	28/03/1991	Nữ	Nghệ An	CK-Tin 12B	2009	Công nghệ thông tin	104	104	2,63	1,82	Không	Khá
5	09GC710087	Trần Văn Nhật	02/03/1991	Nam	Nam Định	CK-Tin 12B	2009	Công nghệ thông tin	104	104	2,30	2,73	Không	Trung bình
6	08GC710112	Nguyễn Thị Hải Yến	15/07/1989	Nữ	Nam Định	CK-Tin 12B	2008	Công nghệ thông tin	104	104	2,75	2,73	Không	Khá
7	09GC710150	Lê Quang Thuận	17/07/1991	Nam	Hà Nam	CK-Tin 12C	2009	Công nghệ thông tin	104	104	2,15	1,82	Không	Trung bình
8	09GC730015	Bùi Duy Hưng	01/02/1991	Nam	Thái Bình	CK-KTĐ 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện	102	102	2,23	1,96	Không	Trung bình
9	09GC730021	Nguyễn Ngọc Phong	16/11/1991	Nam	Thái Bình	CK-KTĐ 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện	102	102	2,25	3,92	Không	Trung bình
10	08GC730017	Dương Đình Hùng	11/09/1990	Nam	Nam Định	CK-KTĐ 12	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	102	102	2,25	0,98	Không	Trung bình
11	08GC730023	Phạm Ngọc Minh	24/08/1990	Nam	Thái Bình	CK-KTĐ 12	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	102	102	2,18	3,92	Không	Trung bình
12	08GC730032	Trương Thành Chung	26/08/1989	Nam	Quảng Ninh	CK-KTĐ 12	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	102	102	2,31	2,94	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13	09GC720005	Lưu Văn	Chiến	22/10/1991	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,16	3,88	Không	Trung bình
14	09GC720010	Vũ Văn	Cát	14/04/1989	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,70	1,94	Không	Khá
15	09GC720016	Lưu Văn	Dương	10/02/1991	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,17	2,91	Không	Trung bình
16	09GC720021	Trần Văn	Định	22/10/1988	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,16	3,00	Không	Trung bình
17	09GC720022	Lưu Xuân	Đáng	25/09/1991	Nam	Thái Bình	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,32	2,00	Không	Trung bình
18	09GC720027	Trương Thị	Hồng	24/02/1991	Nữ	Hà Nam	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,31	5,00	Không	Trung bình
19	09GC720030	Trần Ngọc	Hưng	09/12/1991	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,37	8,00	Không	Trung bình
20	09GC720037	Vũ Ngọc	Khôi	20/10/1991	Nam	Thanh Hóa	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,26	2,00	Không	Trung bình
21	09GC720039	Nguyễn Thị	Liên	21/05/1991	Nữ	Ninh Bình	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,39	2,00	Không	Trung bình
22	09GC720040	Dương Xuân	Long	23/05/1991	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,42	4,00	Không	Trung bình
23	09GC720041	Lại Thành	Luận	02/01/1991	Nam	Yên Bái	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,46	1,00	Không	Trung bình
24	09GC720048	Lê Xuân	Quý	12/06/1991	Nam	Hà Nam	CK-ĐĐT 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	103	103	2,24	4,00	Không	Trung bình
25	09GC740003	Đặng Tuấn	Anh	19/11/1991	Nam	Nam Định	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,41	1,80	Không	Trung bình
26	09GC740006	Bùi Ba	Duy	19/08/1991	Nam	Ninh Bình	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,22	1,80	Không	Trung bình
27	09GC740011	Nguyễn Duy	Hưng	17/05/1991	Nam	Thái Bình	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,17	1,80	Không	Trung bình
28	09GC740019	Phạm Văn	Ngọc	16/07/1991	Nam	Ninh Bình	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,28	1,80	Không	Trung bình
29	09GC740025	Nguyễn Tiến	Quyết	11/09/1990	Nam	Nam Định	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,09	6,31	Không	Trung bình
30	09GC740028	Đinh Đức	Thiện	24/02/1991	Nam	Nam Định	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,23	1,80	Không	Trung bình
31	09GC740034	Lê Văn	Việt	01/10/1991	Nam	Hà Nam	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,31	1,80	Không	Trung bình
32	09GC720020	Nguyễn Minh	Đức	27/09/1991	Nam	Nam Định	CK-ĐTĐ 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,15	4,50	Không	Trung bình
33	08GC740032	Trịnh Văn	Khánh	15/06/1990	Nam	Nam Định	CK-ĐTĐ 12	2008	Công nghệ tự động	111	111	2,14	8,11	Không	Trung bình
34	09GC750023	Vũ Đình	Tân	22/02/1990	Nam	Nam Định	CK-CTM 12	2009	Công nghệ chế tạo máy	102	102	2,31	2,94	Không	Trung bình
35	08GC750003	Vũ Đức	Biển	17/10/1989	Nam	Nam Định	CK-CTM 12	2008	Công nghệ chế tạo máy	102	102	2,28	1,96	Không	Trung bình
36	09GC770007	Phạm Văn	Dương	10/03/1991	Nam	Nam Định	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,38	3,09	Không	Trung bình
37	09GC770023	Phạm Mạnh	Hòa	01/01/1991	Nam	Nam Định	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,46	3,09	Không	Trung bình
38	09GC770031	Vũ Thế	Long	28/01/1991	Nam	Nam Định	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,38	2,06	Không	Trung bình
39	09GC770034	Trần Phương	Nam	16/09/1991	Nam	Hòa Bình	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,39	3,09	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
40	09GC770037	Phạm Văn Quân	25/11/1991	Nam	Nam Định	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,56	3,09	Không	Khá
41	09GC770057	Trần Thanh Tùng	17/08/1991	Nam	Nam Định	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,40	3,09	Không	Trung bình
42	09GC770055	Trần Trọng Tuyển	29/09/1990	Nam	Nam Định	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,48	2,06	Không	Trung bình
43	09GC770054	Lê Huy Tuyển	18/11/1991	Nam	Nam Định	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,27	2,06	Không	Trung bình
44	08GC770042	Trần Văn Trường	01/07/1989	Nam	Thái Bình	CK-Ô tô 12	2008	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,23	2,06	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 44 SV

HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Sỹ Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHỐI K KHÓA 10

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Các ngành đào tạo: Công nghệ thông tin; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ hàn;
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ tự động);

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 64.../QĐ-DHSPKTND ngày 24 tháng 01 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Chuyên ngành/Ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	10FC810003	Nguyễn Thị Mai Anh	05/02/1990	Nữ	Nam Định	CK-Tin KK 10	2010	Công nghệ thông tin	70	70	2,94	2,86	Không	Khá
2	10FC810029	Trần Thị Duyên	13/03/1990	Nữ	Nam Định	CK-Tin KK10	2010	Công nghệ thông tin	70	70	3,27	0,00	Không	Giỏi
3	10FC810032	Nguyễn Minh Ngọc	20/06/1987	Nam	Thái Bình	CK-Tin KK 10	2010	Công nghệ thông tin	70	70	2,27	2,86	Không	Trung bình
4	10FC830005	Trần Ngọc Chung	01/01/1990	Nam	Nam Định	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,46	2,86	Không	Trung bình
5	10FC830006	Phạm Văn Cơ	09/03/1989	Nam	Thái Bình	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,73	2,86	Không	Khá
6	10FC830007	Nguyễn Đình Cương	23/01/1991	Nam	Thái Bình	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,24	11,43	Không	Trung bình
7	10FC830011	Nguyễn Tổng Đoàn	18/07/1989	Nam	Thái Bình	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,47	2,86	Không	Trung bình
8	10FC830014	Trần Ngọc Giang	02/01/1987	Nam	Hà Nam	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,59	2,86	Không	Khá
9	10FC830016	Vũ Văn Hình	05/10/1990	Nam	Nam Định	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,31	8,57	Không	Trung bình
10	10FC830017	Nguyễn Văn Hoạt	02/10/1985	Nam	Nam Định	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,46	2,86	Không	Trung bình
11	10FC830023	Hoàng Ngọc Linh	06/10/1990	Nam	Hòa Bình	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,53	2,86	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	10FC830024	Lã Văn	Linh	06/06/1987	Nam	Thái Bình	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,34	5,71	Không	Trung bình
13	10FC830030	Hoàng Ngọc	Quang	28/08/1990	Nam	Nam Định	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,37	5,71	Không	Trung bình
14	10FC830036	Nguyễn Việt	Thế	18/09/1987	Nam	Yên Bái	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,36	7,14	Không	Trung bình
15	10FC830040	Vũ Thành	Toan	01/10/1987	Nam	Nam Định	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,36	2,86	Không	Trung bình
16	10FC830041	Trần Văn	Toàn	05/06/1990	Nam	Nam Định	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,34	2,86	Không	Trung bình
17	10FC830046	Đới Mạnh	Tường	11/05/1990	Nam	Nam Định	CK-KTĐ KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,39	2,86	Không	Trung bình
18	10FC820001	Lâm Tuấn	Anh	25/09/1989	Nam	Thanh Hóa	CK-ĐĐT KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	70	70	2,57	2,86	Không	Khá
19	10FC820005	Trần Khương	Duy	28/11/1992	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	70	70	2,49	5,71	Không	Trung bình
20	10FC820008	Vũ Văn	Hung	29/08/1987	Nam	Hà Nam	CK-ĐĐT KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	70	70	2,50	2,86	Không	Khá
21	10FC820009	Trần Xuân	Mạnh	06/07/1990	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	70	70	2,41	1,43	Không	Trung bình
22	10FC820011	Nguyễn Văn	Phúc	01/11/1992	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	70	70	2,21	8,57	Không	Trung bình
23	10FC820012	Lê Tuấn	Son	25/11/1990	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	70	70	2,26	10,00	Không	Trung bình
24	10FC850007	Nguyễn Minh	Đức	06/07/1987	Nam	Thái Bình	CK-Hàn KK10	2010	Công nghệ hàn	70	70	2,77	4,29	Không	Khá
25	10FC850017	Vũ Văn	Tuân	02/02/1987	Nam	Hà Nam	CK-Hàn KK10	2010	Công nghệ hàn	70	70	2,17	4,29	Không	Trung bình
26	10FC840006	Vũ Chí	Hiếu	01/10/1990	Nam	Thái Bình	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,40	2,86	Không	Trung bình
27	10FC840007	Vũ Trung	Hiếu	11/10/1990	Nam	Nam Định	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,66	7,14	Không	Khá
28	10FC840009	Đinh Văn	Hường	06/08/1988	Nam	Hà Nội	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,21	5,71	Không	Trung bình
29	10FC840010	Nguyễn Văn	Hữu	22/03/1990	Nam	Nam Định	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,07	10,00	Không	Trung bình
30	10FC840012	Nguyễn Văn	Long	10/10/1989	Nam	Vĩnh Phúc	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,19	12,86	Không	Trung bình
31	10FC840013	Phan Văn	Phú	28/06/1989	Nam	Thái Bình	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,04	14,29	Không	Trung bình
32	10FC840014	Nguyễn Gia	Tạo	16/12/1989	Nam	Thái Bình	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,11	7,14	Không	Trung bình
33	10FC840015	Mai Đình	Thu	03/09/1987	Nam	Nam Định	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,17	7,14	Không	Trung bình
34	10FC840019	Lê Đức	Vũ	13/02/1987	Nam	Ninh Bình	CK-CTM KK10	2010	Công nghệ chế tạo máy	70	70	2,40	2,86	Không	Trung bình
35	10FC860002	Vũ Đình	Chương	07/03/1989	Nam	Nam Định	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,21	12,86	Không	Trung bình
36	10FC860003	Nguyễn Tiến	Cường	21/04/1990	Nam	Thái Bình	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,40	4,29	Không	Trung bình
37	10FC860005	Phạm Văn	Hào	17/04/1989	Nam	Nam Định	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,20	2,86	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
38	10FC860006	Lê Đức	Hiếu	29/01/1986	Nam	Hà Nam	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,11	7,14	Không	Trung bình
39	10FC860008	Trần Văn	Hướng	05/12/1990	Nam	Nam Định	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,39	10,00	Không	Trung bình
40	10FC860009	Nguyễn Mạnh	Khôi	21/01/1988	Nam	Nam Định	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,10	11,43	Không	Trung bình
41	10FC860010	Vi Đức	Luật	10/08/1985	Nam	Hà Giang	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,39	4,29	Không	Trung bình
42	10FC860012	Nguyễn Văn	Tài	10/05/1990	Nam	Nam Định	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,83	4,29	Không	Khá
43	10FC860014	Phạm Hữu	Truốt	02/01/1989	Nam	Nam Định	CK-Ô tô KK10	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	70	2,70	4,29	Không	Khá

Ấn định danh sách 43SV



HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Sỹ Nghĩa



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT KHÓA 3

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 64.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 24 tháng 01 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định (Không tính học phần GDTC, OP)	Số tín chỉ tích lũy (Không tính GDTC, QP)	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(16)
1	871010024	Đặng Văn Thuỳ	10/01/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Tin 3	2008	Tin học ứng dụng	163	156	2,28	0,00	
2	871030004	Nguyễn Xuân Trường	20/02/1989	Nam	Thái Bình	ĐS-KTĐ 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	165	161	2,61	2,42	
3	871040009	Cà Văn Mai	25/06/1990	Nam	Điện Biên	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	173	2,79	1,14	
4	871040015	Đinh Văn Thịnh	11/05/1987	Nam	Thái Bình	ĐS-ĐTĐ 3	2008	Công nghệ tự động	175	163	2,25	6,86	
5	871020022	Nguyễn Văn Vượng	08/06/1989	Nam	Nam Định	ĐS-ĐĐT 3	2008	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	166	2,30	1,19	
6	771020008	Phạm Tiến Dũng	08/03/1989	Nam	Ninh Bình	ĐS-ĐĐT 3	2007	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	168	162	2,25	3,57	
7	871050001	Đoàn Văn Chiến	24/11/1989	Nam	Hải Phòng	ĐS-CTM 3	2008	Công nghệ chế tạo máy	161	157	2,33	2,55	
8	771070021	Ninh Đức Trung	16/01/1990	Nam	Nam Định	ĐS-Ô tô 3	2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô	157	148	2,37	5,73	

Ấn định danh sách 8 SV

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KHÓA 3

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 64.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 24 tháng 01 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định (Không tính học phần GDTC, QP)	Số tín chỉ tích lũy (Không tính GDTC, QP)	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	0841050041	Trần Văn Tuyền	15/03/1990	Nam	Thái Bình	ĐK-CTM 3A	2008	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	144	142	2,48	2,08		
2	0741070001	Khiếu Tất Bách	16/07/1989	Nam	Thái Bình	ĐK-Ô tô 3	2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô	140	138	2,16	5,00		

Ấn định danh sách 02 SV



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHÓA 12

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 64./QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 24 tháng 01 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định (Không tính học phần Số tín chỉ tích lũy (Không tính GDTC, OP) Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Ghi chú		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	09GC770052	Nguyễn Duy Tuấn	02/09/1991	Nam	Thanh Hóa	CK-Ô tô 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	95	2,35	2,06		

Ấn định danh sách 01 SV



TS. Phan Sỹ Nghĩa